

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2223240001	Đặng Quỳnh Anh	10/08/1994	02BK15A1	8.0	5.0	6.0				2.4	Thi lại
2	2223360017	Lê Thị Hồng Gấm	02/06/1999	02BK15A1	8.0	6.5	7.0				2.8	Thi lại
3	2223360013	Huỳnh Nguyễn Đức Hoài	09/01/2004	02BK15A1	8.0	5.5	6.3		5.0		5.5	Đạt
4	2223360006	Võ Thị Hồng	02/06/1991	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
5	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02BK15A1	8.0	7.0	7.3		6.8		7.0	Đạt
6	2223240020	Đặng Trần Mỹ Linh	21/06/2001	02BK15A1	7.0	8.5	8.0		9.3		8.8	Đạt
7	2223360020	Nguyễn Xuân Lợi	18/08/2001	02BK15A1	7.0	6.5	6.7		7.3		7.0	Đạt
8	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh Nguyên	17/10/2000	02BK15A1	8.0	9.5	9.0		8.3		8.6	Đạt
9	2223360018	Đỗ Phú Thành Tài	03/06/2006	02BK15A1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
10	2223360003	Dương Thị Bé Thảo	29/09/1995	02BK15A1	8.0	7.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
11	2223360011	Trần Ngọc Thanh Thảo	23/04/2005	02BK15A1	8.0	7.0	7.3		6.8		7.0	Đạt
12	2223240019	Phạm Minh Trang	07/02/2000	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
13	2223240009	Trần Anh Tuấn	19/11/1996	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt
14	2223180003	Trần Quang Tuyển	31/01/1990	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt
15	2223360012	Lê Thùy Uyên	22/10/2003	02BK15A1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
16	2223360005	Trịnh Thị Thúy Vân	24/06/1998	02BK15A1	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
17	2223240026	Thái Triệu Vy	26/02/2002	02BK15A1	8.0	6.0	6.7		6.5		6.6	Đạt
18	2223240028	Trần Tiến Tới	13/09/2003	02BK15A1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
19	2223360022	Huỳnh Hồng Liên	10/07/2004	02BK15B1	7.0	5.0	5.7				2.3	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
20	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02BK15A2	8.0	8.5	8.3		6.8		7.4	Đạt
21	2203240242	Phạm Lan	Anh	05/05/1999	02BK13A6	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
22	2213360115	Nguyễn Gia	Bảo	07/01/2006	02BK15A2	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại
23	2223360024	Trần Gia	Bảo	02/02/2005	02BK15A2	7.0	6.0	6.3		3.3		4.5	Đạt
24	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02BK15A2	8.0	8.5	8.3		5.0		6.3	Đạt
25	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.3		6.0	Đạt
26	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		7.0		6.7	Đạt
27	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		5.3		5.7	Đạt
28	2223360027	Nguyễn Mỹ	Hằng	13/03/2002	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		7.3		6.9	Đạt
29	2223360028	Nguyễn Thị	Hiên	10/01/2002	02BK15A2	6.0	0.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại
30	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		7.0		6.7	Đạt
31	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02BK15A2	8.0	8.5	8.3		7.8		8.0	Đạt
32	2223360065	Đình Thanh	Huy	07/10/2004	02BK15A2	7.0	8.5	8.0		3.8		5.5	Đạt
33	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02BK15A2	8.0	7.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
34	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02BK15A2	8.0	8.5	8.3		6.5		7.2	Đạt
35	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		6.0		6.1	Đạt
36	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02BK15A2	8.0	7.5	7.7		6.5		7.0	Đạt
37	2223240074	Hà Bảo	Ngọc	25/02/2002	02BK15A2	8.0	7.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
38	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.5		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
39	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		6.8		6.6	Đạt
40	2223240040	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	28/05/2001	02BK15A2	7.0	6.5	6.7		6.3		6.4	Đạt
41	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
42	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhựt	29/12/2006	02BK15A2	8.0	5.0	6.0		5.3		5.6	Đạt
43	2223240059	Lê Thành	Phát	28/10/2003	02BK15A2	8.0	6.5	7.0				2.8	Thi lại
44	2223180025	Dương Hồng	Phong	05/09/1991	02BK15A2	8.0	9.5	9.0		9.5		9.3	Đạt
45	2223240051	Lê Kim	Phuong	28/10/2003	02BK15A2	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
46	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	11/12/2003	02BK15A2	8.0	5.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
47	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		4.8		5.4	Đạt
48	2223240071	Trịnh Thị	Sương	10/06/1994	02BK15A2	6.0	7.5	7.0		8.0		7.6	Đạt
49	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		8.5		7.9	Đạt
50	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		5.5		5.8	Đạt
51	2223360045	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/07/2002	02BK15A2	5.0	5.0	5.0		7.3		6.4	Đạt
52	2223360049	Trần Thơ	Hoàng	16/11/2003	02BK15A2	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
53	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02BK15A2	8.0	7.0	7.3		8.3		7.9	Đạt
54	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		5.5		6.0	Đạt
55	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02BK15A2	6.0	5.0	5.3		7.8		6.8	Đạt
56	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		5.3		6.0	Đạt
57	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	02BK15A2	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
58	2223360036	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	15/10/2005	02BK15A2	8.0	5.5	6.3		5.8		6.0	Đạt
59	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		7.3		7.0	Đạt
60	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		6.3		6.4	Đạt
61	2223360046	Hoàng	Tùng	24/05/1999	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
62	2223180035	Bùi Thị Thanh	Vương	15/01/1995	02BK15A2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
63	2223360043	Đinh Khả	Vy	16/09/2000	02BK15A2	8.0	6.0	6.7		4.5		5.4	Đạt
64	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02BK15A2	8.0	6.5	7.0		6.8		6.9	Đạt
65	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02BK15A2	7.0	5.5	6.0		5.8		5.9	Đạt
66	2223360162	Nguyễn Mạnh	Cường	27/09/2003	02BK14A1	8.0	5.5	6.3		7.5		7.0	Đạt
67	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02BK15A3	6.2	5.7	5.9		6.7		8.0	Đạt
68	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
69	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02BK15B2-Nhóm 1	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
70	2223360054	Nguyễn Chí	Cường	07/10/2000	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		6.5		7.5	Đạt
71	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
72	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02BK15B2-Nhóm 1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
73	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
74	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02BK15B2-Nhóm 1	10.0	10.0	10.0		7.8		8.7	Đạt
75	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
76	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
77	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		5.0		6.6	Đạt
78	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		6.5		7.5	Đạt
79	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		5.8		7.1	Đạt
80	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
81	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02BK15B2-Nhóm 1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
82	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02BK15B2-Nhóm 1	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
83	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
84	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
85	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại
86	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02BK15B2-Nhóm 1	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
87	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02BK15B2-Nhóm 1	10.0	10.0	10.0		8.5		9.1	Đạt
88	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
89	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
91	2223240058	Nông Thị	Tem	25/02/1999	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
93	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
95	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
97	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02BK15B2-Nhóm 2	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
99	2223240053	Nguyễn Minh	Thuận	11/03/2001	02BK15B2-Nhóm 2	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
101	2223240048	Trương Thu	Thủy	01/01/1994	02BK15B2-Nhóm 2	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
103	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt
105	2223240063	Lê Nguyễn Mai	Trang	06/01/2000	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		7.8		8.3	Đạt
107	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		8.3		8.6	Đạt
109	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02BK15B2-Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
111	2213180034	Bùi Thị	Thảo	13/09/1982	02BK14B2 Nhóm 2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
107	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02BK15B5	8.0	7.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
109	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02BK15B2	8.0	8.5	8.3		7.8		8.0	Đạt
110	3223240007	Đặng Trần Thi	Ca	20/02/1997	02BK15B2	8.0	7.0	7.3		8.3		7.9	Đạt
114	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02BK15B1	8.0	8.5	8.3		9.8		9.2	Đạt
115	3223240021	Phan Thị	Đô	02/09/1990	02BK15B5	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
119	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02BK15B4	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
120	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02BK15B1	8.0	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
122	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
123	3223240010	Đoàn Nhất	Nương	29/12/1992	02BK15B2	8.0	7.5	7.7		9.3		8.6	Đạt
124	3223180014	Thường Thị Mỹ	Nghiệp	14/03/1980	02BK15B5	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
125	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02BK15B4	8.0	6.5	7.0		8.0		7.6	Đạt
126	3223240008	Lương Thiêm	Phát	19/04/1998	02BK15B2	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
127	3223240023	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/04/2001	02BK15B5	8.0	8.5	8.3		9.3		8.9	Đạt
138	3223240005	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/04/2000	02BK15B1	7.0	6.5	6.7		7.5		7.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
139	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02BK15B4	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt
142	3223240025	Nguyễn Thành	Trung	26/08/1990	02BK15B5	8.0	7.0	7.3		8.8		8.2	Đạt
143	3223180009	Thái Mỹ	Vân	25/06/1976	02BK15B4	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
144	2223360088	Bùi Gia	Huy	22/04/2003	02BK15A3	6.0	8.5	7.7		5.0		6.1	Đạt
145	2223360083	Nguyễn Quốc	Ân	01/05/2006	02BK15A3	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại
146	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
147	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
148	2223240079	Bùi Thị	Điệp	15/06/1998	02BK15A3	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
149	2223360087	Nguyễn Hoàng	Dinh	27/09/2002	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
150	2223360095	Dương Đình	Dũng	19/09/2001	02BK15A4	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
151	2223360105	Nguyễn Thanh	Hải	26/03/2005	02BK15A4	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
152	2223240103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	03/05/2002	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
153	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
154	2223240121	Nguyễn Trung	Hưng	01/11/2000	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
155	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt
156	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
157	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/12/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
158	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
159	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
160	2223360114	Dương Tấn	Khôi	18/09/2004	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		5.5		6.9	Đạt
161	2223360096	Tạ Trung	Kiên	22/07/2002	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
162	2223360080	Đinh Công	Lâm	16/02/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
163	2223240084	Đỗ Thị Yến	Linh	06/03/2003	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
164	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
165	2223240080	Nguyễn Ứng	Lĩnh	07/10/2001	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
166	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		9.0		7.8	Đạt
167	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
168	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
169	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
170	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
171	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
172	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
173	2223240126	Lê Thị Yến	Nhi	22/07/2001	02BK15A4	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
174	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	10/02/2002	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
175	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
176	2223240117	Lê Đình	Phương	23/04/2001	02BK15A4	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
177	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	06/03/2005	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		5.0		6.6	Đạt
178	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02BK15A4	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
179	2223360104	Vũ Minh Sang	06/12/2006	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
180	2223360081	Huỳnh Thị Thanh	21/10/2001	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
181	2223240075	Võ Thanh Mỹ Tiên	25/08/1994	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
182	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	13/11/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
183	2223180041	Phạm Sơn Trà	13/10/1989	02BK15B3	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
184	2223360137	Văn Quý Thục Trân	07/12/2003	02BK15A4	9.0	9.0	9.0				3.6	Thi lại
185	2223240123	Đỗ Trần Bảo Trân	05/07/2003	02BK15A4	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
186	2223360089	Vũ Hoàng Thiên Trí	20/07/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
187	2223240091	Trần Thị Cẩm Tú	12/08/2003	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		6.3		6.2	Đạt
188	2223240096	Phù Chí Tuấn	25/02/2003	02BK15A3	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
189	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh Vy	28/10/2001	02BK15A3	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt
212	2223360002	Võ Duy Anh	06/10/2000	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		5.8		7.1	Đạt
213	2223240014	Bùi Chí Bảo	22/01/2000	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		9.2		9.3	Đạt
214	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	15/12/1984	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		6.6		7.7	Đạt
215	2223240018	Hoàng Thị Hoài	08/03/1990	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		4.2		6.1	Đạt
216	2223240017	Lê Thị Hồng	17/10/1990	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
217	2223360021	Hoàng Quốc Huy	14/03/1994	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9	Đạt
218	2223240023	Nguyễn Thị Nhường	06/11/1980	02BK15B1	10.0	8.0	8.7		6.4		7.3	Đạt
219	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	26/04/1985	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		7.4		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
220	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/9/2006	02BK15B1	8.0	9.0	8.7		5.4		6.7	Đạt
221	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02BK15B1	10.0	9.0	9.3		7.2		8.1	Đạt
222	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02BK15B1	8.0	10.0	9.3		6.2		7.5	Đạt
223	2223360009	Võ Minh	Thuận	15/05/2002	02BK15B1	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
224	2223180012	Dương Thị Minh	Trang	06/09/1991	02BK15B1	9.0	10.0	9.7				3.9	Thi lại
225	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
226	2223240005	Nguyễn Thanh	Thúy	05/03/1997	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
227	2223180007	Phạm Thị Kiều	Trang	05/01/1998	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt
228	2203240309	Nguyễn Thành	Nghĩa	28/05/1998	02MK13B1	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9	Đạt
229	2223240082	Trần Tuấn	Anh	01/04/2001	02BK15B3	8.0	5.5	6.3		7.3		6.9	Đạt
230	2223360091	Đồng Hương Thảo	Chân	04/06/1999	02BK15B3	8.0	9.5	9.0		7.0		7.8	Đạt
231	2223240100	Nguyễn Hoàng	Dung	24/02/2000	02BK15B3	8.0	6.5	7.0		6.0		6.4	Đạt
232	2223360102	Nguyễn Thị	Dưỡng	22/09/2002	02BK15B3	8.0	9.5	9.0		6.8		7.7	Đạt
233	3223240013	Huỳnh Thị Trúc	Hà	18/01/1996	02BK15B3	8.0	9.5	9.0		7.5		8.1	Đạt
234	2223360092	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/01/2002	02BK15B3	8.0	9.5	9.0		5.8		7.1	Đạt
235	2223240101	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Hương	25/09/1999	02BK15B3	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
236	2223240102	Thái Hồ	Quang	20/07/1999	02BK15B3	8.0	6.5	7.0		7.8		7.5	Đạt
237	2223180042	Lò Văn	Sang	15/10/1990	02BK15B3	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
238	2223240078	Phạm Đồng	Tâm	25/10/1995	02BK15B3	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
239	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/3/2001	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt
240	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm Tú	31/08/1990	02BK15B3	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
241	2223360099	Lương Minh Tuấn	16/06/1985	02BK15B3	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
242	2223180047	Đỗ Thị Bạch Tuyết	26/06/1995	02BK15B3	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
243	3223180006	Phạm Thị Thao	14/02/1987	02BK15B3	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
244	3223240015	Hồ Thị Xuân Thảo	16/06/1999	02BK15B3	8.0	6.0	6.7		7.3		7.0	Đạt
245	3223240017	Nguyễn Thị Diễm Thuý	17/12/1998	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		7.3		7.6	Đạt
246	3223180005	Nguyễn Thị Thanh Thủy	24/05/1989	02BK15B3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
247	2223240077	Nguyễn Mộng Huyền Trân	20/05/1999	02BK15B3	8.0	7.5	7.7		7.3		7.4	Đạt
248	2223240086	Bùi Giang Nguyên Trinh	26/10/1994	02BK15B3	8.0	6.5	7.0		6.8		6.9	Đạt
249	2223240089	Nguyễn Hữu Trọng	18/08/2000	02BK15B3	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
250	2223360079	Nguyễn Thành Trung	01/10/2002	02BK15B3	7.0	5.0	5.7		6.5		6.2	Đạt
251	2223240090	Phạm Mạnh Trường	10/06/2003	02BK15B3	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
252	2223240088	Đào Lan Vi	01/04/1995	02BK15B3	8.0	5.0	6.0		6.3		6.2	Đạt
253	3223240014	Đỗ Xuân Vũ	02/12/1993	02BK15B3	8.0	5.5	6.3		6.3		6.3	Đạt
254	2223240085	Lê Bảo Vy	19/06/2000	02BK15B3	8.0	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
255	2223240093	Nguyễn Thị Ngọc Như Ý	16/06/2003	02BK15B3	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại
256	3223240012	Lâm Hoài Trung	28/05/1982	02BK15B2	8.0	9.5	9.0		5.0		6.6	Đạt
257	2223180008	Phạm Thị Xuân Diệu	30/06/1980	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
								4.0		6.0	6.0		
258	2203360114	Trần Thái Gia	Bảo	15/03/2005	02BK13A5	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
259	2203360078	Nguyễn Ngọc Quốc	Uy	27/08/2003	02BK13A4	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
260	2223360106	Đỗ Đăng	Khoa	17/02/2002	02BK15B3	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
261	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02BK15A8	6.5	7.0	6.8		6.3		6.5	Đạt
262	3223240026	Trần Văn	Vui	18/06/1984	02BK15B6	9.0	6.0	7.0		8.2		7.7	Đạt
263	3223240027	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/05/2001	02BK15B6	10.0	8.0	8.7		8.6		8.6	Đạt
264	3223240029	Trần Thị Hoài	Châm	13/06/1994	02BK15B7	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt